

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh,
chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa Tâm Thiện Phúc**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp Chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 892/2017/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Y tế;

Căn cứ biên bản thẩm định; Biên bản họp tổ thẩm định xét duyệt cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngày 29 tháng 07 năm 2020;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý hành nghề y, dược tư nhân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 55 kỹ thuật khám chữa bệnh thuộc chuyên khoa Tai mũi họng tại Phòng khám Đa khoa Tâm Thiện Phúc (có danh mục kèm theo); Địa chỉ: Phố Bùi Thị Cúc, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điều 2. Ông/bà phụ trách phòng khám chịu trách nhiệm thực hiện các kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Thanh tra Y tế; Trưởng phòng: Nghiệp vụ y, Quản lý hành nghề y dược tư nhân; Trưởng phòng Y tế huyện Ân Thi và Giám đốc Phòng khám Đa khoa Tâm Thiện Phúc căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- BHXH tỉnh (Đề phối hợp)
- Công TTĐT Sở Y tế;
- Lưu :VT, QLHNYDTN.



Nguyễn Thị Anh

DANH MỤC
KỸ THUẬT BỔ SUNG TRONG PHÒNG KHÁM TÂM THIỆN PHÚC
(Ban hành 55 kỹ thuật KCB theo Quyết định số 752/QĐ-SYT
ngày 29/07/2020 kèm theo giấy phép hoạt động số: 243/HY-GPHĐ)

Địa chỉ: Phố Bùi Thị Cúc, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

I. TAI - MŨI - HỌNG

| STT | STT TT43 | DANH MỤC KỸ THUẬT |
|-------------------------------|----------|--|
| A. TAI - TAI THẦN KINH | | |
| 1. | 51 | Khâu vết rách vành tai |
| 2. | 54 | Lấy dị vật tai gây tê |
| 3. | 55 | Nội soi lấy dị vật tai gây tê |
| 4. | 56 | Chọc hút dịch vành tai |
| 5. | 57 | Chích nhọt ống tai ngoài |
| 6. | 58 | Làm thuốc tai |
| 7. | 59 | Lấy nút biểu bì ống tai ngoài |
| B. MŨI-XOANG | | |
| 8. | 80 | Cắt Polyp mũi |
| 9. | 130 | Đốt điện cuốn mũi dưới |
| 10. | 132 | Bẻ cuốn mũi |
| 11. | 133 | Nội soi bẻ cuốn mũi dưới |
| 12. | 138 | Chọc rửa xoang hàm |
| 13. | 139 | Phương pháp Proetz |
| 14. | 140 | Nhét bắc mũi sau |
| 15. | 141 | Nhét bắc mũi trước |
| 16. | 142 | Cầm máu mũi bằng Merocel |
| 17. | 143 | Lấy dị vật mũi gây tê |
| 18. | 144 | Nội soi lấy dị vật mũi gây tê |
| 19. | 145 | Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat) |
| 20. | 146 | Rút meche, rút merocel hốc mũi |
| 21. | 147 | Hút rửa mũi, xoang sau mổ |
| C. HỌNG-THANH QUẢN | | |
| 22. | 153 | Nạo VA |
| 23. | 204 | Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng |
| 24. | 205 | Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng |



| | | |
|------------------|-----|--|
| 25. | 206 | Chích áp xe sàn miệng |
| 26. | 207 | Chích áp xe quanh Amidan |
| 27. | 208 | Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA |
| 28. | 209 | Cắt phanh lưỡi |
| 29. | 212 | Lấy dị vật họng miệng |
| 30. | 213 | Lấy dị vật hạ họng |
| 31. | 214 | Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng |
| 32. | 215 | Đốt họng hạt bằng nhiệt |
| 33. | 216 | Áp lạnh họng hạt (Nitor, CO2 lỏng) |
| 34. | 217 | Áp lạnh Amidan (Nitor, CO2 lỏng) |
| 35. | 218 | Bơm thuốc thanh quản |
| 36. | 221 | Sơ cứu bông đường hô hấp |
| 37. | 222 | Khí dung mũi họng |
| 38. | 223 | Chích áp xe thành sau họng gây tê |
| 39. | 225 | Nội soi hoạt nghiệm thanh quản |
| 40. | 226 | Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê |
| 41. | 227 | Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê |
| 42. | 228 | Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê |
| 43. | 229 | Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê |
| 44. | 232 | Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê |
| 45. | 233 | Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê |
| 46. | 234 | Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê |
| 47. | 235 | Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê |
| 48. | 238 | Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê |
| 49. | 239 | Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê |
| 50. | 240 | Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê |
| 51. | 241 | Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê |
| D. ĐẦU CỔ | | |
| 52. | 301 | Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ |
| 53. | 302 | Cắt chỉ sau phẫu thuật |
| 54. | 303 | Thay băng vết mổ |
| 55. | 304 | Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ |

Hưng Yên, ngày 29 tháng 07 năm 2020

